

DOI: 10.62829/VNHN.370.61.64

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN VÀ GÌN GIỮ DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

✍ ThS. Nguyễn Huy Đồng

● **TÓM TẮT:** Văn hóa là linh hồn của dân tộc, là nền tảng tinh thần góp phần tạo nên bản sắc và sức mạnh nội sinh của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, công nghiệp hóa - hiện đại hóa hiện nay, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống càng trở nên cấp thiết. Để thực hiện điều này, hệ thống chính sách và pháp luật về văn hóa giữ vai trò then chốt, là công cụ để Nhà nước quản lý, định hướng và điều tiết hoạt động văn hóa trong xã hội; cần được nhìn nhận như một nền tảng chiến lược, gắn kết hài hòa phát triển kinh tế - xã hội với gìn giữ bản sắc, đồng thời mở rộng vai trò cộng đồng và ứng dụng công nghệ để bảo đảm cho di sản trường tồn và lan tỏa giá trị bền vững tới thế hệ mai sau... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống pháp luật bảo tồn giá trị văn hóa hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, cần được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Bài viết vừa nêu lên thực trạng của chính sách pháp luật trong bảo tồn văn hóa (bao gồm cả những kết quả tích cực và những hạn chế), vừa đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật và hiệu quả thực thi công tác bảo tồn giá trị văn hóa.

● **Từ khóa:** Chính sách pháp luật bảo tồn văn hóa; nền tảng tinh thần; Luật Di sản văn hóa; Chiến lược phát triển văn hóa...

● **ABSTRACT:** Culture is the soul of a nation, the spiritual foundation that contributes to shaping the identity and endogenous strength of each country. In the current context of globalization and industrialization - modernization, the preservation and promotion of traditional cultural values have become increasingly urgent. To achieve this, the system of cultural policies and laws plays a pivotal role as a tool for the State to manage, orient, and regulate cultural activities in society; it should be regarded as a strategic foundation that harmoniously connects socio-economic development with the preservation of identity, while also expanding the role of communities and applying technology to ensure heritage endurance and the sustainable transmission of values to future generations. However, alongside the achievements gained, the current legal framework for cultural preservation still has many shortcomings and needs to be improved to meet the demands of the new era. This article outlines the current situation of cultural preservation policies and laws (including both positive results and limitations) and proposes solutions to improve policy, legislation, and the effectiveness of cultural value preservation.

● **Keywords:** Cultural preservation policies and laws; spiritual foundation; Cultural Heritage Law; Cultural development strategy.

Ngày nhận bài: 15/8/2025 Ngày bình duyệt: 05/9/2025 Ngày duyệt đăng: 10/9/2025

HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH BẢO TỒN VÀ GÌN GIỮ DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa như: *Luật Di sản văn hóa năm 2001*, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Di sản; *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*; Các chính sách hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số gìn giữ bản sắc văn hóa; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa.

Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định quan trọng để cụ thể hóa Luật, tiêu biểu như: Nghị định số 98/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Di sản văn hóa về bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; Các quy định về phân loại, kiểm kê, xếp hạng di tích, di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia, được ban hành thống nhất trong hệ thống pháp luật về văn hóa.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có nhiều văn bản hướng dẫn kỹ thuật quan trọng, như: Thông tư số 06/2019/TT-BVHTTDL hướng dẫn tu bổ, phục hồi di tích; Thông tư số 04/2020/TT-BVHTTDL hướng dẫn kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ di sản phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Nhờ hệ thống văn bản này, các địa phương có căn cứ pháp lý rõ ràng để thực hiện kiểm kê, lập hồ sơ, phân loại và triển khai kế hoạch bảo vệ, phục hồi di sản phù hợp thực tiễn địa phương.

Song song, Chính phủ cũng thực hiện các chương trình mục tiêu về văn hóa và hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích, nhất là các di tích quốc gia đặc biệt và di tích cấp quốc gia bị xuống cấp nặng. Ví dụ, theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, từ năm 2016–2020 đã hỗ trợ tu bổ cho trên 400 di tích trọng điểm trên phạm vi cả nước, qua

đó góp phần gìn giữ và phục hồi nhiều giá trị quan trọng.

Bên cạnh đó, chính sách hiện nay rất khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ, khai thác, hưởng lợi hợp lý từ di sản theo nguyên tắc xã hội hóa. Nhờ vậy, một số mô hình đồng quản lý di sản đã hình thành và phát huy hiệu quả, có thể kể đến như ở phố cổ Hội An (Quảng Nam), Quần thể di tích Cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), hay không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, trong đó cộng đồng giữ vai trò chủ thể, được quyền tham gia ra quyết định và trực tiếp hưởng lợi từ hoạt động khai thác di sản.

Ngoài ra, xu hướng ứng dụng công nghệ cũng bước đầu được lồng ghép vào chính sách: nhiều địa phương đã triển khai số hóa hồ sơ di sản, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý điện tử, áp dụng công nghệ 3D để phục dựng các chi tiết kiến trúc và hỗ trợ công tác nghiên cứu, giáo dục di sản. Đây là hướng đi phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, từng bước đưa công tác quản lý di sản tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

Nhờ những chính sách, pháp luật như vậy, công tác bảo tồn giá trị văn hóa đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận; Hàng nghìn di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh; Nhiều lễ hội, làn điệu dân ca, nghề truyền thống được phục dựng và phát triển; Nhận thức của cộng đồng về gìn giữ văn hóa được nâng cao.

MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CHÍNH SÁCH BẢO TỒN DI SẢN

Bên cạnh những kết quả tích cực, thực tiễn cũng cho thấy một số điểm còn hạn chế, như: Hệ thống pháp luật còn thiếu tính đồng bộ, chồng chéo và chưa theo kịp thực tiễn; Một số quy định chưa rõ ràng, dễ bị lợi dụng hoặc khó áp dụng; Thiếu cơ chế

phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương; Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm còn yếu; Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào ngân sách Nhà nước; Ý thức bảo tồn văn hóa ở một bộ phận người dân còn chưa cao, đặc biệt là giới trẻ.

Đi vào những vấn đề cụ thể, có thể nhận diện một số hạn chế sau:

Trước hết, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương, cũng như giữa các ngành liên quan, còn thiếu nhịp nhàng và thiếu hiệu lực điều phối. Nhiều địa phương phản ánh tình trạng chồng chéo nhiệm vụ, hoặc thiếu rõ ràng về quyền hạn quản lý giữa ngành văn hóa với ngành xây dựng, ngành du lịch, dẫn đến lúng túng trong việc bảo vệ vùng lõi, vùng đệm của các di tích và không gian văn hóa.

Thứ hai, nguồn lực tài chính vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Các khoản kinh phí phân bổ từ ngân sách nhà nước chủ yếu mang tính ngắn hạn, theo từng dự án, chưa bảo đảm tính bền vững. Việc huy động nguồn xã hội hóa còn khiêm tốn, chưa thực sự tạo được cơ chế khuyến khích hấp dẫn cho doanh nghiệp hoặc cộng đồng tham gia lâu dài. Đồng thời, chưa có một quỹ bảo tồn di sản văn hóa cấp quốc gia đủ mạnh và ổn định để duy trì các hoạt động tu bổ, phục hồi liên tục, khiến nhiều di tích có nguy cơ xuống cấp trở lại sau tu bổ.

Thứ ba, năng lực nhân lực phục vụ công tác bảo tồn còn hạn chế. Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý di sản, kỹ sư, kiến trúc sư chuyên ngành tu bổ di tích cũng như nghệ nhân truyền dạy di sản phi vật thể vẫn còn thiếu và chưa được đào tạo bài bản, nhất là về công nghệ mới như kỹ thuật số, kỹ thuật phục dựng 3D, lập cơ sở dữ liệu điện tử.

Thứ tư, ý thức cộng đồng mặc dù đã có chuyển biến tích cực, song chưa thực sự đồng đều. Một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về giá trị di sản và trách nhiệm gìn giữ, dẫn tới các hành vi xâm hại di sản vẫn còn diễn ra, như lấn chiếm đất

di tích, xây dựng trái phép trong vùng bảo vệ, hay thương mại hóa lễ hội quá mức, làm biến dạng bản sắc văn hóa truyền thống.

Thứ năm, chính sách hiện hành vẫn còn khoảng trống trong việc lồng ghép các tiêu chuẩn phát triển bền vững, nhất là tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu, vào quy hoạch khai thác, phát huy di sản. Các hoạt động du lịch tại di sản vẫn tiềm ẩn rủi ro khai thác quá tải, thiếu kiểm soát, có thể dẫn đến phá vỡ tính nguyên gốc và gia tăng ô nhiễm môi trường.

Cuối cùng, trong kỷ nguyên công nghệ số, chính sách vẫn thiếu một khung pháp lý toàn diện để điều chỉnh những vấn đề mới như quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm số hóa di sản, hay bảo vệ hình ảnh di sản trên không gian mạng trước nguy cơ xuyên tạc, khai thác sai mục đích.

Những hạn chế này đòi hỏi quá trình rà soát, sửa đổi và bổ sung chính sách trong thời gian tới phải đồng bộ, có tầm nhìn dài hạn, đồng thời kết hợp hài hòa với chuẩn mực quốc tế nhằm bảo đảm cho di sản văn hóa Việt Nam vừa được bảo tồn, vừa có khả năng thích ứng, phát huy giá trị bền vững trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

Trước bối cảnh hội nhập sâu rộng, cùng những thách thức ngày càng phức tạp như đã nói ở trên, việc hoàn thiện chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam cần được tiếp cận một cách tổng thể, khoa học và có tầm nhìn dài hạn. Có một số nhóm giải pháp và kiến nghị được đề xuất như sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách, đảm bảo đồng bộ, thống nhất và đủ sức điều chỉnh những vấn đề mới phát sinh. Trong đó, cần rà soát, cập nhật các quy định về phân cấp quản lý di sản giữa trung ương và địa phương, tránh chồng chéo; bổ sung cơ chế giám sát độc lập và chế tài xử lý đủ mạnh để ngăn chặn vi phạm. Ngoài ra, cần xây dựng quy định

rõ ràng hơn về bảo vệ hình ảnh, quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm di sản số hóa, phòng ngừa xâm hại trên không gian mạng.

2. Đẩy mạnh huy động và đa dạng hóa nguồn lực. Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, cần khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân tham gia đóng góp, thông qua cơ chế ưu đãi, miễn giảm thuế hoặc hỗ trợ thủ tục đầu tư cho các dự án bảo tồn. Việc thành lập quỹ bảo tồn di sản văn hóa cấp quốc gia, có nguồn thu ổn định, minh bạch, cũng là một gợi ý quan trọng, nhằm bảo đảm nguồn vốn lâu dài cho công tác tu bổ, phục hồi di sản.

3. Phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Cần xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về bảo tồn di sản, kết hợp nâng cao năng lực công nghệ, quản lý dự án, ngoại ngữ, cũng như kỹ năng truyền thông cộng đồng. Bên cạnh đó, chính sách đãi ngộ, vinh danh nghệ nhân, thợ lành nghề, nhà nghiên cứu cũng cần được chú trọng, khuyến khích họ tiếp tục giữ lửa, truyền dạy di sản phi vật thể.

4. Tăng cường vai trò và quyền lợi của cộng đồng địa phương. Một chính sách bảo tồn hiệu quả không thể thiếu sự tham gia thực chất của cộng đồng - chủ thể sáng tạo và gìn giữ di sản. Vì vậy, nên thiết kế các mô hình đồng quản lý, nơi cộng đồng được trực tiếp tham gia quyết định, giám sát, đồng thời được chia sẻ lợi ích công bằng khi khai thác di sản.

5. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ di sản, xây dựng cơ sở dữ liệu mở, bản đồ di sản số, đồng thời áp dụng các công nghệ phục dựng 3D, thực tế ảo (VR/AR), trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ bảo tồn, quảng bá và giáo dục cộng đồng. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí dài hạn, mà còn nâng cao tính tương tác, lan tỏa giá trị di sản hiệu quả hơn, nhất là tới thế hệ trẻ.

6. Gắn bảo tồn với phát triển bền vững và kinh tế xanh. Cần có các tiêu chuẩn khắt khe về đánh giá tác động môi trường, hạn chế khai thác quá mức, thương mại hóa di sản, đồng thời phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng dựa trên di sản theo hướng sinh thái, thân thiện môi trường, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

7. Thúc đẩy hợp tác quốc tế sâu rộng. Việt Nam nên tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác song phương, đa phương với UNESCO, các tổ chức bảo tồn quốc tế, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm, cũng như nâng cao hình ảnh di sản Việt Nam trên trường quốc tế.

Những giải pháp và kiến nghị nêu trên cần được triển khai một cách đồng bộ, có cơ chế theo dõi, giám sát hiệu quả và có sự tham gia của cộng đồng, để di sản văn hóa không chỉ được bảo vệ an toàn mà còn trở thành nguồn lực mạnh mẽ cho phát triển bền vững và hội nhập quốc tế./.